

Bản án số: 81/2022/DS-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Thị Xuân Mai

2/ Ông Hoàng Văn Định

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 20/TLST-DS ngày 16/02/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 90/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2022/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty V

Trụ sở: Số 91, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông H là người đại diện hợp pháp theo Giấy ủy quyền số 523/2022/GUQ-MAFC ngày 12/01/2022. (Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 205/39/6, đường Trần Văn Đang, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2022, các lời khai và các Biên bản không tiến hành hòa giải được trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty V có ông H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền trình bày:

Ông M có ký hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019 với Công ty V (“sau đây gọi tắt là công ty V”) vay số tiền 73.850.000 đồng (Bằng chữ: *Bảy mươi ba triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn*) với lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng là 35,4861%/ năm và thời hạn trả góp định kỳ hàng tháng từ ngày 20/05/2019 đến ngày 20/04/2022. Số tiền trả góp hàng tháng là 3.340.682 đồng vào ngày 20 mỗi tháng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông M đã thanh toán cho công ty V được 17 kỳ với số tiền 59.784.764 đồng trong đó tiền gốc là 26.082.966 đồng, tiền lãi là 30.806.552 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.895.216 đồng. Tuy nhiên, kể từ ngày 20/10/2020 đến nay, ông M đã ngừng thanh toán số tiền trả góp hàng tháng cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng nói trên và vào ngày 21/10/2021 Công ty V đã chuyển khoản vay của ông M qua nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/12/2021, tổng số tiền nợ của ông M là 73.475.702 đồng (bằng chữ: *Bảy mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ hai đồng*). Trong đó: dư nợ gốc: 47.767.004 đồng; nợ lãi trong hạn: 14.162.522 đồng; tiền lãi chậm trả: 11.546.176 đồng.

Nhận thấy hành vi trên của ông M đã làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty V nên Công ty V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông M hoàn trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/12/2021 là 73.475.702 đồng (bằng chữ: *Bảy mươi ba triệu bốn trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ hai đồng*). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông M đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để trình bày ý kiến, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật, nhưng ông M vẫn không có mặt theo triệu tập nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông M.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn Công ty V có ông H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/9/2022 và bản tự khai ngày 29/9/2022 ông H xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau: Do ông M đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty V yêu cầu Tòa án buộc ông M phải trả cho Công ty V tổng số tiền tính đến ngày 30/9/2022 là 93.665.161 đồng (Bằng chữ: *Chín mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng*), trong đó: Nợ gốc: 47.767.004 đồng; lãi trong hạn: 15.018.817 đồng; Lãi quá hạn: 28.737.988 đồng; lãi chậm trả: 2.141.352 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty V không yêu cầu ông M phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019 kể từ ngày 01/10/2022.

Bị đơn ông M vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

[1.1]. Nguyên đơn Công ty V khởi kiện bị đơn ông M phải trả số tiền nợ vay, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 11, Quận 3 trả lời Phiếu yêu cầu xác minh ngày 24/3/2022 của Tòa án nhân dân Quận 3 thể hiện: “Ông M, sn 1976 có HKTT tại 205/39/6, đường Trần Văn Đang, Phường 11, Quận 3, hiện nay ở đâu không rõ...”.

Căn cứ kết quả xác minh trên cho thấy sau khi ký kết hợp đồng, bị đơn ông M đã thay đổi nơi cư trú, làm việc gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho Nguyên đơn biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm nên đây được xem là trường hợp cố tình che giấu địa chỉ, được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó, nơi cư trú tại Quận 3 của ông M được xem là nơi cư trú cuối cùng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

[2.1]. Nguyên đơn Công ty V có ông H là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt nguyên đơn.

[2.2]. Bị đơn ông M đã được tổng đạt, niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Nguyên đơn Công ty V yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Văn Minh phải có trách nhiệm thanh toán số nợ tính đến ngày 30/9/2022 là 93.665.161 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng*), trong đó nợ gốc: 47.767.004 đồng; lãi trong hạn: 15.018.817 đồng; lãi quá

hạn: 28.737.988 đồng và lãi chậm trả: 2.141.352 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019 thể hiện ông M có vay của Công ty V số tiền 73.850.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng và mua bảo hiểm dư nợ tín dụng; thời hạn vay 36 tháng; phương thức cho vay: Từng lần; phương thức trả: Trả góp theo kỳ, lãi suất trong hạn: 35,486%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn.

Căn cứ Bảng chi tiết trả góp vốn gốc và lãi trong hạn theo kỳ thì trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty V đã giải ngân số tiền vay cho ông Minh 01 lần và ông M cũng đã thanh toán cho Công ty V được 17 kỳ với số tiền 59.784.764 đồng, trong đó tiền gốc là 26.082.966 đồng, tiền lãi là 30.806.552 đồng và tiền lãi quá hạn là 2.895.216 đồng. Tuy nhiên, kể từ kỳ thứ 18 tức từ ngày 20/10/2020 đến nay ông M không trả thêm được bất kỳ khoản nào cho Công ty V. Do đó từ ngày 21/10/2020 Công ty V đã chuyển khoản vay của ông M sang nợ quá hạn.

Căn cứ khoản 10.3 Điều 10 của Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019 quy định về về Quyền và nghĩa vụ của khách hàng “...*Khách hàng phải sử dụng số tiền vay đúng mục đích và thanh toán cho MAFC nợ gốc, tiền lãi và các khoản khác đầy đủ, đúng hạn theo quy định và phải tuân thủ phương thức thanh toán đã thỏa thuận*”.

Căn cứ khoản 9.6 Điều 9 Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019 quy định “*Nếu bên vay không trả nợ đúng hạn và không được bên cho vay điều chỉnh kỳ trả nợ hoặc gia hạn nợ, số dư nợ gốc mà khách hàng không trả đúng sẽ chuyển sang nợ quá hạn...*”

Căn cứ Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn...*”

Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự: “*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”.

Xét Bị đơn ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Công ty V thông báo nhắc nợ nhiều lần và tạo điều kiện để ông M trả nợ nhưng phía ông M vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Công ty V là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019. Do đó việc Công ty V khởi kiện yêu cầu ông M phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 47.767.004 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2]. Đối với yêu cầu trả tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022 là 45.898.157 đồng trong đó: lãi trong hạn: 15.018.817 đồng; Lãi quá hạn: 28.737.988 đồng; lãi

chậm trả: 2.141.352 đồng. Yêu cầu trả một lần ngày khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ định tại khoản 2 Điều 280 Bộ luật Dân sự: “*Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc...*”.

Căn cứ khoản 9.4 Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019, qui định về trả nợ trễ hạn thể hiện “*Khi đến hạn thanh toán mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thỏa thuận, thì ngoài việc trả lãi trên nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả thì khách hàng còn phải chịu tiền lãi trên nợ gốc bị quá hạn và tiền lãi chậm trả*”; khoản 9.4a và khoản 9.4b Điều 9 quy định lãi quá hạn là 150%, lãi chậm trả là 10%.

Căn cứ Khoản 2, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng qui định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn Công ty V về việc buộc bị đơn ông M phải trả tiền lãi tính đến ngày 30/9/2022) là 45.898.157 đồng trong đó: Lãi trong hạn: 15.018.817 đồng; Lãi quá hạn: 28.737.988 đồng và lãi chậm trả: 2.141.352 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn Công ty V về việc không yêu cầu bị đơn ông M phải tiếp tục trả tiền lãi theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 667223 ngày 23/04/2019, kể từ ngày 01/10/2022.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty V được chấp nhận nên bị đơn ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty V.

1.1 Buộc ông M phải có trách nhiệm trả cho Công ty V số tiền 93.665.161 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi lăm ngàn một trăm sáu mươi một đồng*). Trong đó:

Nợ gốc: 47.767.004 đồng;

Lãi trong hạn: 15.018.817 đồng;

Lãi quá hạn: 28.737.988 đồng;

Lãi chậm trả: 2.141.352 đồng

Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đủ thì ông M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.683.258 đồng (*Bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm tám mươi ba ngàn hai trăm năm mươi tám đồng*).

Hoàn trả cho Công ty V số tiền án phí đã tạm nộp là 1.836.893 đồng (*Bằng chữ: Một triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn tám trăm chín mươi ba đồng*) theo biên lai thu số AA/2021/0006910 ngày 26/02/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Hoa

